

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 09 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty - doanh nghiệp.

Các hãng sản xuất, đơn vị cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nguyễn Trãi đang thực hiện lập kế hoạch Mua sắm bổ sung Vật tư - Hoá chất lần 3 phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nguyễn Trãi. Trân trọng kính mời Quý đơn vị/doanh nghiệp, các hãng sản xuất có đủ năng lực và kinh nghiệm, cung cấp báo giá theo danh mục cụ:

- Mục đích báo giá:** Làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch mua sắm hàng hóa, dịch vụ.
- Thời hạn gửi báo giá:** Thời gian nhận báo giá từ ngày 25/09/2026 đến hết ngày 05/10/2026.
- Yêu cầu báo giá:**
 - Về giá: Giá theo thị trường đã bao gồm thuế VAT.
 - Về khối lượng, chất lượng, thông số kỹ thuật và các điều khoản khác chi tiết tại danh mục báo giá đính kèm.
 - Một số lưu ý với yêu cầu báo giá: Có đầy đủ thông tin đơn vị báo giá, ngày tháng năm ký phát hành báo giá, thời gian hiệu lực của báo giá; có ký xác nhận và đóng dấu theo quy định; Đính kèm giấy phép đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá; Quyết định trúng thầu hoặc thông báo trúng thầu, hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có) và Hồ sơ kỹ thuật sản phẩm bao gồm Catalogue, tài liệu kỹ thuật tương đương.
- Hình thức gửi báo giá:** Bản cứng (có đóng dấu) trực tiếp hoặc theo đường bưu điện. (đối với trường hợp gửi bưu điện, thời gian bệnh viện nhận được báo giá phải trước thời hạn gửi báo giá). Đồng thời gửi file excel và bản scan báo giá đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email: nguyentraihospital@gmail.com.
- Địa điểm nhận báo giá:** Phòng Vật tư, thiết bị y tế - Bệnh viện Nguyễn Trãi, địa chỉ: 314 Nguyễn Trãi, Phường An Đông, TP.HCM (trong giờ hành chính).

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ Phòng vật tư, thiết bị y tế, số điện thoại: (028) 39235020 – Email: nguyentraihospital@gmail.com

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VTTBYT(PNH)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Vũ



PHỤ LỤC NỘI DUNG YÊU CẦU CHÀO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính
1	Chỉ Catgut (chromic) tự tiêu 3/0 kim tam giác, dài 26mm	1,00	Tép
2	Chỉ chromic 0 kim tròn, dài 26mm	1,00	Tép
3	Chỉ chromic 3/0 kim tròn	1,00	Tép
4	Chỉ không tiêu tự nhiên 1/0 kim tam giác	1,00	Tép
5	Chỉ không tiêu tự nhiên 3/0 kim tam giác	1,00	Tép
6	Chỉ không tiêu tự nhiên 6/0 kim tam giác	1,00	Tép
7	Chỉ Nylon 2/0 kim tròn	1,00	Tép
8	Chỉ Nylon 3/0 kim tròn	1,00	Tép
9	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Sutumed Monofilament Nylon, số 2/0 dài 75cm, kim tròn	1,00	Tép
10	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Sutumed Monofilament Nylon, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác 24mm, 3/8C, kim Premium	1,00	Tép
11	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Sutumed Monofilament Nylon, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác 19mm, 3/8C, kim Premium	1,00	Tép
12	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Sutumed Monofilament Nylon, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8C, kim Premium	1,00	Tép
13	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Sutumed Monofilament Nylon, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 16mm, 3/8C, kim Premium.	1,00	Tép
14	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Sutumed Monofilament Nylon, số 6/0 dài 75cm, kim tam giác 13mm, 3/8C, kim Premium.	1,00	Tép
15	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 0 dài 75cm, kim tam giác 26mm, 3/8C, kim Premium	1,00	Tép
16	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 1 dài 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium	1,00	Tép
17	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 2/0 dài 150cm, không kim	1,00	Tép
18	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 24mm, 3/8C, kim Premium	1,00	Tép
19	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium	1,00	Tép
20	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8C, kim Premium	1,00	Tép
21	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium	1,00	Tép
22	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8C, kim Premium	1,00	Tép
23	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk, số 1 dài 75cm, kim tam giác 36mm, 3/8C kim Premium	1,00	Tép
24	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi bền Sutumed Black Braided Silk, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép

25	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tự nhiên đa sợi đen Sutumed Black Braided Silk, số 3/0 dài 150cm, không kim	1,00	Tép
26	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi MONOSYN VIOLET	1,00	Tép
27	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp ARES - Chỉ Polyglycolic (viryl) acid 3/0	1,00	Tép
28	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp ARES - Chỉ Polyglycolic (viryl) acid 4/0	1,00	Tép
29	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Sutumed Polyglatin số 5/10, dài 70cm, kim tròn 15mm 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép
30	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Sutumed Polyglycolic acid số 0, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép
31	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Sutumed Polyglycolic acid số 2/0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép
32	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Sutumed Polyglycolic acid số 3/0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép
33	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Sutumed Polyglycolic acid số 4/0, dài 75cm, kim tròn 22m, 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép
34	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Sutumed Polyglycolic acid, có chất kháng khuẩn Triclosan số 4/0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép
35	Chỉ khâu tiêu chậm (polypropylen) số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn 10mm	1,00	Tép
36	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm. Chỉ giữ vết thương 14 ngày.	1,00	Tép
37	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn, dài 26mm, C25E26 (hoặc tương đương)	1,00	Tép
38	Chỉ Trustilene (Polypropylene) số 0, dài 75 cm, kim tròn, dài 30mm-	1,00	Tép
39	Chỉ Trustilene (Polypropylene) số 2/0, dài 90 cm, kim tròn, dài 26 mm-	1,00	Tép
40	Chỉ Trustilene (Polypropylene) số 7/0, dài 60 cm, 2 kim tròn, dài 10 mm-	1,00	Tép
41	Chỉ Vicrl 3/0, kim tam giác	1,00	Tép
42	Chỉ Vicrl 4/0, kim tam giác	1,00	Tép
43	Chỉ Vicryl 8-0	1,00	Tép
44	Chỉ Vicryl số 3 kim tròn	1,00	Tép
45	Chỉ Vicryl số 4 kim tròn	1,00	Tép
46	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Sutumed Polyglactin số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm 1/2C, kim Premium.	1,00	Tép
47	Ống nghe	1,00	Cái
48	Bóng đối xung động mạch chủ kích thước 7.5Fr	1,00	Cái
49	Mô hình thực hành mở khí quản, đặt nội khí quản, đặt sonde dạ dày	1,00	Cái
50	Rọ tán sỏi chủ động loại đi chung được với dây dẫn hướng đường mật (Phù hợp với tay quay tán sỏi Olympus)	1,00	Cái
51	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi	1,00	Cây
52	Nắp đáy trocar 5mm	1,00	Cái
53	Nắp đáy trocar 10mm	1,00	Cái
54	Dây đốt cao tần lưỡng cực, dài 400cm	1,00	Sợi
55	Nòng trong với đầu cách điện ceramic	1,00	Cái
56	Dụng cụ phẫu tích và đốt cầm máu đơn cực, đầu hình L, cỡ 5mm, dài 36 cm	1,00	Cái
57	Sterrad 100NX cassette	1,00	Hộp/ 2 Bảng
58	Hoá chất rửa dùng cho máy rửa khử khuẩn tự động	1,00	Can/ 5 Lít

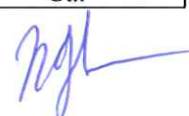
59	Bộ dây exa sử dụng một lần	1,00	sợi
60	Phim X-quang khô laser 10 x 12 inch (25 x 30cm)	1,00	Tấm
61	Phim X-quang khô laser 14 x 17 inch (35 x 43cm)	1,00	Tấm
62	Bóng đèn Xenon 300W Tương thích nguồn sáng Karl storz	1,00	Cái
63	Bóng đèn xenon 300W tương thích nguồn sáng olympus	1,00	Cái
64	Bóng đèn Xenon 300W Tương thích nguồn sáng Pentax	1,00	Cái
65	6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt (hoặc tương đương)	1,00	Chai/ 1lít
66	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	1,00	Can 5 lít
67	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bề mặt	1,00	Chai/ 1 lít
68	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ y tế	1,00	Chai/ 1 lít
69	Dung dịch làm sạch và tẩy rửa chứa đa enzym	1,00	Can 5 lít
70	Dung dịch phun làm sạch và khử khuẩn bề mặt	1,00	Chai 750ml
71	Dung dịch rửa tay thường quy và tắm rửa vệ sinh trong bệnh viện	1,00	Chai/ 500ml
72	Dung dịch vệ sinh tay	1,00	Chai 1 lít
73	Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn	1,00	Chai/ 500ml
74	Đầu col vàng có khóa 200ul	1,00	Cái
75	Đầu col vàng không khóa 200ul	1,00	Cái
76	Đầu col xanh không khóa 1000ul	1,00	Cái
77	Đầu côn lọc	1,00	Cái
78	Lọ nước tiểu có nắp vàng	1,00	lọ
79	Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml nắp đỏ có nhãn	1,00	lọ
80	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn	1,00	Lọ
81	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp trắng, có nhãn	1,00	Lọ
82	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiết trùng 55ml nắp đỏ, có nhãn	1,00	Lọ
83	Ống nghiệm Citrate 3,2% 2ml nắp xanh lá	1,00	Tube
84	Ống nghiệm Chimigly 2ml	1,00	Tube
85	Ống nghiệm EDTA K2 2ml, nắp cao su	1,00	Tube
86	Ống nghiệm Heparin 2ml	1,00	Tube
87	Ống nghiệm lấy máu Sodium Citrate	1,00	Ống
88	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5 ml nắp trắng	1,00	Ống
89	Ống nghiệm Serum hạt to	1,00	Tube
90	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kim thường	1,00	Bộ
91	Bộ dây truyền máu	1,00	Bộ
92	Bơm cho ăn 50ml	1,00	Cái
93	Bơm tiêm 1ml	1,00	cái
94	Bơm tiêm 3CC Kim 23G	1,00	Cái
95	Bơm tiêm 5cc kim 23	1,00	Cái
96	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm điện tự động, không xoắn, 50ml	1,00	cái
97	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm điện tự động, đầu xoắn, 50ml	1,00	cái
98	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	1,00	Cái
99	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	1,00	Cái
100	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml	1,00	Cái
101	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	1,00	Cái
102	Bơm tiêm 10 ml vật liệu làm bằng nhựa polycarbonate có đầu xoáy (luer), có 7 màu để lựa chọn	1,00	Cái

182	Chất xử lý tế bào Clear rite 3	1,00	Bình
183	Dao cắt tiêu bản MX35 ultra	1,00	Cái
184	Formol đậm trung tính 10%	1,00	1 lít/chai
185	Khuôn đúc mẫu mô (Cassette nhựa có nắp lỗ nhỏ)	1,00	Cái
186	Khuôn đúc mẫu mô (Cassette nhựa có nắp lỗ to)	1,00	Cái
187	Găng kiểm tra dùng trong y tế có bột các size	1,00	Đôi
188	Găng tay tiệt trùng các size	1,00	Đôi
189	Bao bọc giấy	1,00	Đôi
190	Bao kính hiển vi (110 x 160 cm)	1,00	Cái
191	Bao tóc xếp tiệt trùng	1,00	Cái
192	Dây garo	1,00	Cái
193	Nón trùm đầu y tế - Nam	1,00	Cái
194	Nón trùm đầu y tế - Nữ	1,00	Cái
195	Túi đựng bệnh phẩm (12x17) cm	1,00	Cái
196	Túi đựng bệnh phẩm (7x14) cm	1,00	Cái
197	Khẩu trang tiệt trùng ≥ 3 lớp	1,00	Cái
198	Khẩu trang y tế ≥ 3 lớp	1,00	Cái
199	Bộ dây chạy thận 4 trong 1	1,00	Bộ
200	Kim chạy thận	1,00	Cái
201	catheter chạy thận	1,00	Bộ
202	Bao cao su	1,00	Cái
203	Cồn 70°	1,00	Lít
204	Cồn 90	1,00	Lít
205	Cồn tuyệt đối	1,00	Lít
206	Gel bôi trơn	1,00	Túi (3*tuyp/50G)
207	Gel điện tim	1,00	Chai 250ml
208	Gel siêu âm	1,00	Can 5 lít
209	Giấy điện tim 3 cân 63mmx30m	1,00	Cuộn
210	Giấy điện tim 6 cân tương thích máy Fukuda Denshi FX7202, Edan SE-601 (sọc đỏ). Kích thước: 110mmx140mmx200 tờ	1,00	Xấp
211	Giấy điện tim dạng cuộn (50mm x 30m)	1,00	Cuộn
212	Giấy điện tim dạng xấp (110mm x 140mm x 200 tờ)	1,00	Xấp
213	Giấy điện tim dạng xấp (50mm x 100mm x 300 tờ)	1,00	Xấp
214	Giấy điện tim dạng xấp (80mm x 90mm x 400 tờ)	1,00	Xấp
215	Giấy ECG 1 cân 50 x 30m	1,00	Cuộn
216	Giấy in kết quả dùng trong chuẩn đoán y khoa 110mm x 20m	1,00	Cuộn
217	Giấy in siêu âm (110mm x 20m)	1,00	Cuộn
218	Bồn hạt đậu	1,00	cái
219	Cán dao số 3	1,00	cái
220	Chén chum	1,00	cái
221	Dây cưa sọ não	1,00	Cái
222	Dây cưa xương	1,00	Sợi
223	Hộp hấp tiệt khuẩn dụng cụ y tế	1,00	cái
224	Kéo cắt chỉ thẳng, nhọn/nhọn, 12cm	1,00	cái
225	Kéo cắt chỉ thẳng, nhọn/nhọn, 16cm	1,00	cái
226	Kẹp sản khoa thẳng, hình tim	1,00	cái
227	Kềm kelly cong, 12cm	1,00	cái
228	Kềm kelly cong, 16cm	1,00	cái
229	Kềm kelly cong, 25cm	1,00	cái
230	Kềm kelly thẳng, 12cm	1,00	cái
231	Kềm kelly thẳng, 16cm	1,00	cái
232	Kềm máu	1,00	cái
233	Luồn dây cưa sọ não	1,00	Cái

234	Mỏ vít	1,00	cái
235	Bộ dây bơm nước dùng cho phẫu thuật nội soi khớp	1,00	Cái
236	Canula nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	1,00	Cái
237	Dụng cụ đưa xi măng vào cột sống (Kim Trocar)	1,00	Cái
238	Kim chọc dò	1,00	Cây
239	Kim chọc dò mũi vít bơm xi măng vào thân đốt sống	1,00	Cái
240	Lưỡi bào khớp 5.5mm/ 130mm/ răng nhọn 1 bên	1,00	Cái
241	Lưỡi bào ổ khớp 4.5mm/ 130mm/ lưỡi bég 2 bên	1,00	Cái
242	Lưỡi cắt đốt đơn cực loại cong 90 °	1,00	Cái
243	Thanh dọc cố định cột sống (rod)	1,00	Cái
244	Vis cuồng cung đốt sống lưng (đa trục)	1,00	Cái
245	Vis rỗng cuồng cung đốt sống lưng	1,00	Cái
246	Bao huyết áp monitor kèm đầu nối tương thích máy monitor Nihon Kohden (hoặc tương đương)	1,00	Cái
247	Đèn đặt nội khí quản (kèm 3 lưỡi)	1,00	cái
248	ĐÈN SOI KHÁM TAI	1,00	Cái
249	Máy đo huyết áp bắp tay tự động	1,00	Cái
250	Máy đo huyết áp tay	1,00	cái
251	Máy xông khí dung	1,00	cái
252	Nhiệt kế âm kế cơ (HQ) + Phí hiệu chuẩn nhiệt kế âm cơ	1,00	Cái
253	Nhiệt kế tủ lạnh đầu bằng nhựa (-40 đến +50) + Phí hiệu chuẩn nhiệt kế tủ lạnh bằng nhựa	1,00	Cái
254	Spo2 kẹp ngón	1,00	Cái
255	Axit Etching	1,00	Lọ/Ống
256	Cement trám bít ống tủy	1,00	Hộp
257	Composite lỏng	1,00	tube
258	Chất lấy dấu Aroma	1,00	Gói/500 gr
259	Chổi đánh bóng	1,00	cái
260	Peri compound	1,00	Hộp
261	Chốt cùi đúc kim loại (răng cửa)	1,00	Cái
262	Chụp hợp kim Titan cần sứ	1,00	Cái
263	Chụp hợp kim thường cần sứ	1,00	Cái
264	Chụp sứ Cercon HT	1,00	Cái
265	Chụp sứ toàn phần (Zirconia)	1,00	Cái
266	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường (răng Composite)	1,00	Cái
267	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo (chưa tính răng)	1,00	Cái
268	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường (14 răng Composite)	1,00	Cái
269	Hàm khung Titanium	1,00	Cái
270	Mão tạm	1,00	Cái
271	Thay nền hàm giả tháo lắp	1,00	Cái
272	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	1,00	Cái
273	Bộ dây máy thở 02 bẫy nước dùng cho người lớn	1,00	Bộ
274	Bộ dây máy thở không bẫy nước dùng cho máy gây mê	1,00	Bộ
275	Lọc vi khuẩn dùng trong bộ dây để thở máy	1,00	Cái
276	Dây câu nối oxy 2m	1,00	Sợi
277	Dây hút dịch cuộn 8mm	1,00	Mét
278	Dây nối oxy 2m	1,00	Sợi
279	Dây oxy 1 nhánh	1,00	Cái
280	Cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn (đầu tròn, tương thích bộ dẫn truyền 1 đường)	1,00	Bộ

281	Mask thanh quản các cỡ	1,00	cái
282	Mask thanh quản kiểm soát đường thở cho nội soi tiêu hoá trên, có kênh dạ dày vừa với các kích cỡ ống soi	1,00	Cái
283	Mở bàng quang ra da dùng 1 lần	1,00	Bộ
284	Mở khí quản số 6, 6,5	1,00	cái
285	Nòng hướng dẫn đặt NKQ	1,00	Chiếc
286	Ống cook- Ống đặt nội khí quản khó	1,00	Chiếc
287	Ống nội khí quản có lỗ hút dịch trên bóng chèn	1,00	Cái
288	Kim 26G 1/2	1,00	Hộp
289	Kim 26 G1 1/2 (Kim hậu cầu)	1,00	Cây
290	Dây dẫn đường cứng	1,00	Sợi
291	Mask thanh quản gel các số	1,00	Cái
292	Ống nội khí quản hút đàm trên bóng chèn thể tích lớn, áp lực thấp các cỡ	1,00	Cái
293	Ống nội khí quản lò xo	1,00	Cái
294	Ống nội phế quản (nội khí quản 2 nòng) trái/phải các cỡ	1,00	cái
295	Ống thông lấy huyết khối các cỡ 2F-7F	1,00	ống
296	Sonde dạ dày loại 1 tháng	1,00	cái
297	Túi hậu môn tạm (Túi đựng phân) 250x150mm	1,00	cái
298	Ureteral catheter các cỡ (Sond niệu quản) CH6 70cm	1,00	Sợi
299	Bình hút đàm số 10	1,00	Cái
300	Bougie người lớn có port oxy (Cây đặt nội khí quản khó)	1,00	Cái
301	Bộ dẫn lưu đa chức năng (đường mật, thận, chọc dò áp xe, chọc dịch ổ bụng,...) phủ hydrophilic, các cỡ có cổ định cánh bướm tiện lợi	1,00	Bộ
302	Bộ đo HADMXL 01 đường dẫn truyền	1,00	Bộ
303	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn	1,00	Bộ
304	Bộ Venturi (Mask + Dây + 6 Venturi 24%, 28%, 31%, 35%, 40%, 60%)	1,00	bộ
305	Buồng tiêm truyền cấy dưới da bằng titanium cỡ 8.5F chịu áp lực đến 325 psi	1,00	Bộ
306	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	1,00	Cây
307	Kim chọc mạch đùi 18G	1,00	Cái
308	Kim sinh thiết lõi bán tự động	1,00	Cái
309	Dao đốt điện hai nút bấm sử dụng 1 lần	1,00	Cái
310	Dây nối điện cực kim cho máy điện cơ dài 100cm	1,00	Cái
311	Điện cực tìm dùng cho MRI	1,00	Miếng
312	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dài 40mm chuẩn 26G	1,00	Cây
313	Miếng dán điện cực đất đo điện cơ	1,00	Miếng
314	Mũi đội đo điện não	1,00	cái
315	Bình hút chân không	1,00	cái
316	Bình làm ấm oxy	1,00	Cái
317	Đề lưới gỗ tiết trùng	1,00	cái
318	Đĩa Petri 90x15 vô trùng (Petri dish 90x15 sterial)	1,00	Cái
319	Que gòn trong ống nghiệm	1,00	Que
320	Que SPATULA lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm cổ tử cung Greetmed	1,00	Cái
321	Tấm dán điện cực trung tính	1,00	Cái
322	Tấm dán hạ thân nhiệt	1,00	bộ
323	Dung dịch rửa, khử trùng quả lọc thận	1,00	Can 5 lít
324	Kim sinh thiết vú chân không	1,00	Cây

325	Bộ lọc mô	1,00	Bộ
326	Bình đựng dịch	1,00	Cái
327	Nẹp chữ T nhỏ Titanium	1,00	Cái
328	Nẹp khóa bản hẹp Titanium	1,00	Cái
329	Nẹp khóa bản nhỏ Titanium	1,00	Cái
330	Nẹp khóa bản rộng Titanium	1,00	Cái
331	Nẹp khóa chữ T chéo (Trái, phải) Titanium	1,00	Cái
332	Nẹp khóa chữ T mâm chày Titanium	1,00	Cái
333	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay (trái, phải) Titanium	1,00	Cái
334	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay có móc (trái, phải) Titanium	1,00	Cái
335	Nẹp khóa đầu dưới xương chày Titanium	1,00	Cái
336	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi Titanium (trái, phải)	1,00	Cái
337	Nẹp khóa đầu dưới xương quay Titanium	1,00	Cái
338	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay Titanium	1,00	Cái
339	Nẹp khóa đầu trên xương chày Titanium (trái, phải)	1,00	Cái
340	Nẹp khóa đầu trên xương đùi Titanium	1,00	Cái
341	Nẹp khóa lồng máng 1/3 Titanium-	1,00	Cái
342	Nẹp khóa mắt xích Titanium	1,00	Cái
343	Nẹp khóa xương đòn (trái, phải) Titanium	1,00	Cái
344	Nẹp khóa xương đòn có móc (trái, phải) titanium	1,00	Cái
345	Vít khóa 3.0mm Titanium	1,00	Cái
346	Vít khóa đường kính 3.5 mm/ 4.0 mm Titanium	1,00	Cái
347	Vít khóa đường kính 5.0 mm Titanium	1,00	Cái
348	Vít xóp 4.0mm Titanium	1,00	Cái
349	Vít xóp 6.5mm Titanium	1,00	Cái
350	Vít xóp khóa đường kính 4.0mm Titanium	1,00	Cái
351	Vít xóp khóa đường kính 5.0mm Titanium	1,00	Cái
352	Vít xóp khóa đường kính 6.5mm Titanium	1,00	Cái
353	Vít xương cứng đường kính 3.5mm Titanium	1,00	Cái
354	Vít xương cứng đường kính 4.5mm Titanium	1,00	Cái
355	Đĩa đệm cột sống lưng cong	1,00	Cái



Tên công ty:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Mail:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

BẢO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nguyễn Trãi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nguyễn Trãi, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT ⁽¹⁾	Mã BVNT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Tên thương mại của hàng hóa	Tên 5086	Mã 5086	Tính năng, thông số kỹ thuật (3)	Đơn vị tính	Mã HS ⁽⁴⁾	Chứng loại (Model/ ký mã hiệu) ⁽⁵⁾	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan nếu có) (VND) ⁽⁷⁾	Ghi chú
		...	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngày ...tháng...năm.... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..... ngày tháng năm 2026
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽⁸⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chí chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi STT theo đúng yêu cầu ghi tại cột "STT" Phụ lục 01.
(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi Danh mục hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục hàng hóa" Phụ lục 01.
(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Tính năng, thông số kỹ thuật theo tài liệu liên quan của hàng hóa
(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng danh mục hàng hóa
(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất tương ứng với chứng loại danh mục hàng hóa tương ứng với chứng loại danh mục hàng hóa ghi tại cột "danh mục hàng hóa".
(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá báo giá cho từng danh mục hàng hóa. Đơn giá ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng danh mục hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
(8) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh

